

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13-5-2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm
2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số nhà 5/13 khu vực 7, phường B, Quận Bình T, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 3, khu phố 5, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1977 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Xóm K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 3, khu phố 5, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T trình bày:

Bà T và ông Lê Văn Đ tự nguyện chung sống vào tháng 6/1998 (ngày không nhớ rõ) có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới bà T và ông Đ chung sống với nhau tại nhà cha mẹ của bà T ở phường B, quận B, thành phố Cần Thơ. Đến năm 2009 bà T và ông Đ lên Bình Dương sinh sống, ở nhà trọ đi làm thuê kiếm sống. Ngay khi mới chung sống thì ông Đ đã hay uống rượu. Do thường xuyên uống rượu và uống quá nhiều nên ông Đ đã nghiện

rượu nặng nên không đi làm được suốt ngày chỉ ở nhà. Ông Đ còn hay chửi bới, đánh đập bà T nhưng vì thương con nên bà T cố gắng chịu đựng. Gần 08 năm nay ông Đ ngày nào cũng uống rượu say xỉn không đi làm còn thường xuyên đánh chửi bới bà T nên bà T đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng từ năm 2016 đến nay. Nay tình cảm của bà T với ông Đ đã hết, bà T không thể sống chung với ông Đ nên bà T gửi đơn kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án không công nhận bà T và ông Đ là vợ chồng.

Về con chung : Bà T và ông Đ có 03 con chung là Lê Văn Đ, sinh ngày 19/04/1999; Lê Thị Đ, sinh ngày 08/11/2000; Lê Thành Đ, sinh ngày 09/02/2012. Cháu Đ và cháu Đ đã trưởng thành đủ 18 tuổi. Riêng cháu Đ hiện đang học lớp 2 trường tiểu học C. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung : Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Đ và bà T tự nguyện chung sống vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp và ông Đ thường hay uống rượu bia. Nay bà T yêu cầu Tòa án không công nhận ông Đ và bà T là vợ chồng thì ông Đ đồng ý.

Về con chung : Quá trình chung sống, ông Đ và bà T có 03 con chung là Lê Văn Đ, sinh ngày 19/04/1999 ; Lê Thị Đ, sinh ngày 08/11/2000 ; Lê Thành Đ, sinh ngày 09/02/2012. Cháu Đ và cháu Đ đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Đ đồng ý giao cháu Đ cho bà T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung : Ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát :

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Bà T và ông Đ tự nguyện tổ chức chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó theo Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà T và ông Đ là vợ chồng. Về con chung : Bà T và ông Đ có 03 con chung là Lê Văn Đ, sinh ngày 19/04/1999 ; Lê Thị Đ, sinh ngày 08/11/2000 ; Lê Thành Đ, sinh ngày 09/02/2012. Cháu Đ và cháu Đ đã trưởng thành đủ 18 tuổi. Đối với cháu Đ có nguyện vọng sống với bà T và bà T có yêu cầu nuôi dưỡng cháu Đ. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho bà T nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản

chung, nợ chung : Do đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú tại khu phố 5, phường C, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

Bà Huỳnh Ngọc T và ông Lê Văn Đ tự nguyện tổ chức chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân địa phương. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, không thể tiếp tục sống chung nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Đ là vợ chồng. Ông Lê Văn Đ có ý kiến là tự nguyện tổ chức chung sống với bà T nhưng không có đăng ký kết hôn.

Bà T và ông Đ tự nguyện tổ chức chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó theo Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận bà T và ông Đ là vợ chồng.

Về con chung : Bà T và ông Đ có 03 con chung là Lê Văn Đ, sinh ngày 19/04/1999 ; Lê Thị Đ, sinh ngày 08/11/2000 ; Lê Thành Đ, sinh ngày 09/02/2012. Cháu Đ và cháu Đ đã trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, ông Đ cũng đồng ý giao cháu Đ cho bà T nuôi dưỡng, cháu Đ có nguyện vọng sống với bà T. Do đó giao cháu Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Huỳnh Ngọc T và ông Lê Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Lê Văn Đ, sinh ngày 19/04/1999 và Lê Thị Đ, sinh ngày 08/11/2000 đã trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 09/02/2012 cho bà Huỳnh Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng ; ông Lê Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và ông Đ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, ông Đ được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2016/0054488 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thế Thị Ngọc Anh